



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố như nêu tại Mục 2;

Documents related to disclosed information at mentioned in Item 2.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
Người được ủy quyền công bố thông tin
Authorized representative for information disclosure
LUẬT SƯ TRƯỞNG / GENERAL COUNSEL



TRẦN PHƯƠNG BẮC





Quý III/2026, lợi nhuận Masan tăng hơn gấp đôi, vượt kế hoạch cơ sở cả năm chỉ sau 9 tháng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2026 – Sau khi công bố số liệu tài chính quản trị chưa kiểm toán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (HOSE: MSN, “Masan”, “Tập đoàn” hoặc “Công ty”) hôm nay công bố báo cáo phân tích và đánh giá của Ban Điều hành về kết quả kinh doanh quý III/2026 (“Q3/2026”) và 9 tháng đầu năm 2026 (“9T2026”).

Các điểm nổi bật trong kết quả kinh doanh quý III và 9 tháng đầu năm 2026:

- **Lợi nhuận tăng trưởng mạnh mẽ:** Trong quý III/2026, lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông thiểu số (NPAT Pre-MI) tăng 2,4 lần so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận sau thuế sau lợi ích cổ đông thiểu số (NPAT Post-MI) tăng 3,0 lần.
- **Vượt kế hoạch cả năm:** Lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông thiểu số trong 9 tháng đầu năm đạt 10.325 tỷ đồng, vượt mức kế hoạch cơ sở năm 2026 đã điều chỉnh là 10.000 tỷ đồng và cao gấp khoảng 1,5 lần lợi nhuận cả năm 2025.
- **Dòng tiền cải thiện cùng đà tăng lợi nhuận:** EBITDA 9 tháng đạt khoảng 19.500 tỷ đồng, trong khi tỷ lệ Nợ vay ròng/EBITDA của Tập đoàn giảm từ 2,4 lần trong quý II xuống còn 2,0 lần trong quý III.
- **Masan tiếp tục kiểm soát tốt nợ vay sau khi mua thêm cổ phần MCH:** Sau khi tính đến khoản tiền thanh toán cho giao dịch trong tháng 10, tỷ lệ Nợ vay ròng/EBITDA của Tập đoàn ước tính ở mức khoảng 2,4 lần và dự kiến giảm xuống khoảng 2,3 lần vào cuối năm 2026, phù hợp với kế hoạch đã công bố trước đó.
- **Hệ điều hành Tiêu dùng (Consumer Operating System – “cOS”)¹ tiếp tục tăng trưởng có lợi nhuận:** Doanh thu và lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông thiểu số trong quý III đều tăng ở mức hai chữ số cao so với cùng kỳ.
 - Masan Consumer (“MCH”, HOSE: MCH), Nền tảng Thương hiệu: Doanh thu quý III tăng 16,3% so với cùng kỳ, ghi nhận tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong ba năm qua. Lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông thiểu số tăng 14,1%.
 - Masan MEATLife (“MML”, UPCOM: MML) mở rộng Nền tảng Thương hiệu ngành hàng thịt: Doanh thu thịt chế biến tăng khoảng 34% so với cùng kỳ, đóng góp khoảng 40% tổng doanh thu, với biên lợi nhuận gộp cao gấp khoảng hai lần so với mảng thịt tươi.
 - WinCommerce (“WCM”), Nền tảng Bán lẻ: Tiếp tục chuyển hóa lợi thế quy mô thành lợi nhuận, với doanh thu quý III tăng 21,2% và lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông thiểu số tăng 86% so với cùng kỳ, đưa biên lợi nhuận ròng lên mức 2,5%.
- **Masan High-Tech Materials (“MSR”, UPCOM: MSR) tiếp tục duy trì đà tăng trưởng lợi nhuận:** Nhờ môi trường giá khoáng sản chiến lược thuận lợi, sản lượng gia tăng và hoạt động vận hành được tối ưu hóa, lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông thiểu số (NPAT Pre-MI) trong quý III đạt 2.148 tỷ đồng, tăng 29% so với quý trước và tăng mạnh từ mức 5 tỷ đồng cùng kỳ năm trước. Sản lượng vonfram chứa trong các sản phẩm đầu ra tăng 55% so với cùng kỳ.
- **Lợi nhuận của MSR đang được chuyển hóa thành dòng tiền chi trả cho tất cả cổ đông:** Ngày 19/10/2026, Đại hội đồng cổ đông MSR đã thông qua đợt tạm ứng cổ tức thứ hai bằng tiền mặt ở mức 5.000 đồng/cổ phiếu, nâng tổng cổ tức tiền mặt năm 2026 lên 6.000 đồng/cổ phiếu (tương đương khoảng 6.600 tỷ đồng), bằng 100% lợi nhuận sau thuế năm 2026. Sau khi hoàn tất



¹ cOS: Hệ điều hành Tiêu dùng (Consumer Operating System – cOS) là nền tảng vận hành tích hợp của Masan, kết nối mạng lưới bán lẻ, các thương hiệu tiêu dùng và hoạt động kinh doanh dựa trên dữ liệu tại cả kênh bán lẻ hiện đại và kênh bán lẻ truyền thống, bao gồm WinCommerce, Masan Consumer, Masan MEATLife, Phúc Long Heritage và Techcombank.

các đợt chi trả cổ tức này, MSR dự kiến tỷ lệ Nợ vay ròng/EBITDA vào cuối năm ở mức khoảng 1,4 lần. Từ năm 2027, MSR sẽ chi trả cổ tức hàng năm tối thiểu 50% lợi nhuận sau thuế.

- Như đã công bố ngày 6/10/2026, sau khi hoàn tất giai đoạn đầu tư lớn và các công ty thành viên đều có khả năng tự tạo nguồn vốn để phát triển, Masan đang chuyển trọng tâm sang thu hút các cổ đông và đối tác chiến lược gắn bó lâu dài với MCH và MSR, đơn giản hóa cơ cấu sở hữu của Tập đoàn, giảm nợ vay tại công ty mẹ và hướng tới hoàn trả vốn cho cổ đông MSN trong trung hạn.
- Trong tháng 10, MSN dự kiến nâng tỷ lệ sở hữu tại MCH từ khoảng 69,4% lên 74,9%, đồng thời MCH hướng tới nâng tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng (free float) lên khoảng 25%. Giao dịch được tài trợ bằng nguồn tiền sẵn có của MSN, được bổ sung từ hai nguồn chính: (i) cổ tức từ các công ty thành viên, trong đó MCH chi trả tối đa 80% lợi nhuận sau thuế, còn MSR thực hiện chi trả 100% lợi nhuận sau thuế năm 2026 và tối thiểu 50% lợi nhuận sau thuế hằng năm trong các năm tiếp theo; và (ii) nguồn thu từ Chương trình Cổ đông Chiến lược của MSR. Khoản đầu tư của Elmet, hoàn tất ngày 1/10/2026, là bước triển khai đầu tiên trong khuôn khổ chương trình này.

Bình luận kết quả kinh doanh:

- **Masan Group: Mảng tiêu dùng – bán lẻ tăng trưởng hai chữ số cao và tự tạo nguồn vốn để phát triển; TCB và MSR đóng góp thêm lợi nhuận và dòng tiền.**
 - Hệ điều hành Tiêu dùng (cOS) của Masan là nền tảng tiêu dùng tích hợp có quy mô hàng đầu tại Việt Nam, kết nối Thương hiệu, Bán lẻ và Công nghệ số trong một hệ thống vận hành thống nhất. Trong quý III/2026, doanh thu cOS đạt 22.656 tỷ đồng, tăng 18,7% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông thiểu số (NPAT Pre-MI) đạt 3.640 tỷ đồng, tăng 18,1%. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) trong 12 tháng gần nhất đạt khoảng 21%.
 - Techcombank ("TCB") đóng góp 1.410 tỷ đồng lợi nhuận từ công ty liên kết trong quý III, tăng 13,5% so với cùng kỳ. Đây là tài sản tài chính chiến lược, mang lại nguồn lợi nhuận, cổ tức ổn định và thường xuyên cho MSN.
 - Masan High-Tech Materials ("MSR") ghi nhận lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông thiểu số đạt 2.148 tỷ đồng trong quý III/2026, tăng 29% so với quý trước và tăng mạnh từ mức 5 tỷ đồng trong quý III/2025. Nguồn lợi nhuận bằng ngoại tệ này đang được chuyển hóa thành dòng tiền cho MSN thông qua cổ tức tiền mặt.
- **Nền tảng Thương hiệu: Phục vụ nhu cầu thiết yếu, đẩy mạnh cao cấp hóa và gia tăng thị phần**
 - **Masan Consumer** ghi nhận doanh thu quý III đạt 8.743 tỷ đồng, tăng 16,3% so với cùng kỳ, mức tăng trưởng nhanh nhất trong ba năm qua và tiếp tục tăng tốc so với mức 14,2% của quý II. Lũy kế 9 tháng, doanh thu tăng 14,6%, nằm ở ngưỡng cao trong kế hoạch tăng trưởng năm 2026. Kết quả này đến từ cả việc gia tăng sản lượng tiêu thụ và sự cải thiện về giá bán cũng như cơ cấu sản phẩm.
 - **Cao cấp hóa sản phẩm:** Ngành hàng Thực phẩm Tiện lợi dẫn dắt tăng trưởng với doanh thu tăng 19,3% so với cùng kỳ, trong đó danh mục sản phẩm cao cấp tăng trưởng ở mức gần 30%. Ước tính, thị phần theo giá trị của ngành hàng này đã tăng khoảng 2 điểm phần trăm từ đầu năm đến nay. CHIN-SU tiếp tục duy trì tiến độ để đạt mức tăng trưởng hai chữ số trung bình trong cả năm 2026.
 - **Gia tăng thị phần:** Nam Ngự ghi nhận sản lượng tiêu thụ tăng trưởng ở mức hai chữ số cao so với cùng kỳ, khi thị phần phục hồi lên khoảng 66–67%, chỉ còn thấp hơn 1–2 điểm phần trăm so với mức trước năm 2025. Khi thị phần gần như đã phục hồi hoàn toàn, trọng tâm của thương hiệu sẽ quay trở lại chiến lược cao cấp hóa. Ngành hàng Đồ uống đóng chai cũng đóng góp tích cực với doanh thu tăng 14,0% so với cùng kỳ.
 - **Các động lực tăng trưởng mới:** Ngành hàng Chăm sóc Cá nhân và Gia đình (HPC) và Kinh doanh Quốc tế (Global Business) ghi nhận tốc độ tăng trưởng khác nhau trong quý III. Kinh doanh Quốc tế tăng trưởng 10,6% so với cùng kỳ trên nền so sánh cao tại thị trường Campuchia, trong khi HPC gần như đi ngang do MCH chủ động giảm mức đầu tư vào giá bán đối với thương hiệu Chanté trong bối cảnh chi phí nguyên liệu đầu vào tăng. Tuy nhiên, tính chung 9 tháng, cả hai mảng vẫn duy trì tăng trưởng tích cực, HPC đạt 21,1% và Kinh doanh Quốc tế đạt 15,0%.
 - **Lợi nhuận tiếp tục tăng trưởng hai chữ số trong bối cảnh chi phí logistics gia tăng:** EBIT quý III tăng 13,2% và lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông thiểu số tăng 14,1% so với cùng kỳ, dù

chi phí logistics tăng từ 3,3% lên 4,0% doanh thu. Tuy nhiên, tỷ lệ này đã giảm khoảng 40 điểm cơ bản so với quý II.

- Biên lợi nhuận gộp nhìn chung được duy trì ổn định nhờ lợi thế quy mô, các biện pháp tiết giảm chi phí và điều chỉnh giá bán, qua đó bù đắp tác động từ lạm phát giá nguyên liệu. Việc điều chỉnh tăng giá có chọn lọc đối với một số sản phẩm vào đầu quý IV sẽ giúp MCH bảo vệ biên lợi nhuận trong bối cảnh chi phí đầu vào tiếp tục ở mức cao.

- **Mở rộng Nền tảng Thương hiệu ngành hàng thịt:** Doanh thu thịt chế biến của MML trong quý III tăng khoảng 34% so với cùng kỳ, hiện đóng góp khoảng 40% tổng doanh thu. Biên lợi nhuận gộp của thịt chế biến cao gấp khoảng hai lần so với thịt tươi, trong khi các sản phẩm đổi mới sáng tạo đóng góp khoảng 50% vào tăng trưởng của ngành hàng này.

- Doanh thu các sản phẩm thịt có thương hiệu tăng ~16% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu thịt tươi tăng 2,6% trên nền so sánh cao của quý III/2025, khi nhu cầu đối với các sản phẩm thịt có thương hiệu và nguồn gốc rõ ràng gia tăng. Các sản phẩm giá trị gia tăng tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực, với tỷ trọng thịt tẩm ướp tăng lên khoảng 8% doanh thu thịt tươi, so với khoảng 3% cùng kỳ năm trước. Doanh thu bán thịt bình quân hàng ngày (ADS) tại các cửa hàng WCM hiện hữu đạt 2,6 triệu đồng/cửa hàng, tăng 6,3% so với cùng kỳ và gần như đi ngang so với quý trước.
- Tổng doanh thu quý III của MML đạt 2.646 tỷ đồng, tăng 11,0% so với cùng kỳ. Mức tăng trưởng này thấp hơn so với doanh thu các sản phẩm thịt có thương hiệu do MML đang chuyển sang sử dụng nguồn heo từ các trang trại của mình, thay vì bán heo từ các trang trại bên ngoài, nhằm bảo đảm nguồn cung ổn định cho các thương hiệu của doanh nghiệp.
- Tăng cường đầu tư cho thương hiệu, đồng thời vượt kế hoạch lợi nhuận cả năm: EBITDA quý III đạt 209 tỷ đồng, tương ứng biên EBITDA 7,9%, so với 10,9% trong quý III/2025. Lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông thiểu số đạt 98 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận ròng 3,7%, so với 4,2% cùng kỳ năm trước. Kết quả này phản ánh việc MML gia tăng đầu tư cho hoạt động marketing và hỗ trợ bán hàng nhằm phát triển các thương hiệu chủ lực cũng như các sản phẩm mới ra mắt trong quý. Lũy kế 9 tháng, lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông thiểu số đạt 436 tỷ đồng, vượt mức cao nhất trong kế hoạch lợi nhuận cả năm 2026 là 300 tỷ đồng.

- **Nền tảng Bán lẻ: Tăng trưởng quy mô đi đôi với hiệu quả lợi nhuận**

- Ở kênh bán lẻ hiện đại, **WinCommerce (“WCM”)** ghi nhận doanh thu quý III đạt 12.775 tỷ đồng, tăng 21,2% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông thiểu số (NPAT Pre-MI) tăng 86%, đạt 325 tỷ đồng. Kết quả này được thúc đẩy bởi tăng trưởng doanh thu trên cùng cửa hàng (LFL), mở rộng mạng lưới có lợi nhuận và hiệu quả từ đòn bẩy hoạt động.
- **Mở rộng có lợi nhuận:** WCM mở mới 345 cửa hàng trong quý III, nâng tổng số cửa hàng trên toàn hệ thống lên 5.486 điểm bán. Lũy kế 9 tháng, doanh nghiệp mở mới 894 cửa hàng, duy trì tiến độ thực hiện mục tiêu mở mới 1.000–1.500 cửa hàng trong cả năm. Khu vực nông thôn tiếp tục là động lực mở rộng chủ lực, ghi nhận biên EBITDA cao nhất trong toàn hệ thống với thời gian hoàn vốn dưới 3 năm.
- **Doanh thu trên cùng cửa hàng tiếp tục tăng trưởng trên nền so sánh cao:** Doanh thu trên cùng cửa hàng (LFL) tăng 7,0% trong quý III và 11,4% lũy kế 9 tháng. Trong đó, kênh siêu thị duy trì tăng trưởng hai chữ số, đạt 12,6%, nhờ hiệu quả từ chương trình cải tạo và nâng cấp cửa hàng. Đối với mô hình minimart, doanh thu LFL tăng 5,0% trên nền so sánh cao của quý III/2025, khi những biến động tại kênh bán lẻ truyền thống và mối quan tâm ngày càng lớn về an toàn thực phẩm thúc đẩy người tiêu dùng lựa chọn các chuỗi bán lẻ hiện đại. Bên cạnh đó, việc WCM mở rộng nhanh mạng lưới cũng khiến một phần khách hàng chuyển sang mua sắm tại các cửa hàng mới. Trong trung hạn, WCM kỳ vọng doanh thu LFL duy trì tăng trưởng ở mức một chữ số trung bình đến cao, khi tiềm năng phát triển còn lớn của kênh bán lẻ hiện đại tại Việt Nam giúp bù đắp tác động từ việc tiếp tục mở rộng mạng lưới.
- **Biên lợi nhuận tiếp tục cải thiện:** Biên lợi nhuận ròng quý III tăng khoảng 90 điểm cơ bản so với cùng kỳ, đạt 2,5%, đồng thời cải thiện đáng kể so với mức 1,2% trong quý II, nhờ hiệu quả kinh doanh tại cửa hàng được nâng cao và lợi thế đòn bẩy hoạt động. Lũy kế 9 tháng, biên lợi nhuận ròng đạt 1,9%, tăng khoảng 100 điểm cơ bản so với cùng kỳ. Tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ cùng việc quản lý dòng tiền chặt chẽ giúp WCM tiếp tục tự tài trợ cho hoạt động mở rộng mạng lưới mà không cần huy động vốn từ bên ngoài.

- Ở mảng bán lẻ F&B, **Phúc Long Heritage (“PLH”)** ghi nhận doanh thu quý III đạt 589 tỷ đồng, tăng 14,2% so với cùng kỳ, nhờ tăng trưởng từ kênh giao hàng, hiệu suất cửa hàng được cải thiện và chiến lược mở rộng mạng lưới có chọn lọc.
 - Doanh thu bình quân hằng ngày trên cùng cửa hàng (LFL ADS) của mô hình cửa hàng tiêu chuẩn đạt 24,8 triệu đồng, tăng 2,1% so với cùng kỳ. Tăng trưởng chủ yếu đến từ kênh giao hàng, trong khi giá trị đơn hàng bình quân cao hơn giúp bù đắp lượng khách sử dụng dịch vụ tại cửa hàng giảm nhẹ.
 - Trong quý III, PLH mở mới 26 cửa hàng tiêu chuẩn, nâng tổng số cửa hàng độc lập trên toàn quốc lên 239 cửa hàng, không bao gồm các kiosk tại WCM. Lũy kế 9 tháng, doanh nghiệp đã mở mới 44 cửa hàng, nằm trong phạm vi mục tiêu mở mới 40–50 cửa hàng của cả năm 2026.
- **MSR: Tiếp tục tạo lợi nhuận, gia tăng dòng tiền cho cổ đông và đón cổ đông chiến lược đầu tiên**
 - **Masan High-Tech Materials (“MSR”)** ghi nhận doanh thu quý III đạt 14.557 tỷ đồng, tăng gấp 7,1 lần so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông thiểu số đạt 2.148 tỷ đồng, tăng mạnh từ mức 5 tỷ đồng trong quý III/2025. Sản lượng gia tăng và hoạt động vận hành được tối ưu hóa đã giúp doanh nghiệp tận dụng môi trường giá vonfram thuận lợi để thúc đẩy lợi nhuận.
 - **Giá vonfram duy trì ở mức cao trong bối cảnh nguồn cung thắt chặt:** Giá APT bình quân trong quý III đạt 3.129 USD/mtu, giảm khoảng 4% so với quý II nhưng vẫn cao gấp gần 6 lần so với cùng kỳ năm trước.
 - **Sản lượng tăng, hoạt động vận hành hiệu quả hơn:** Sản lượng vonfram (tính theo hàm lượng vonfram thực tế trong sản phẩm) đạt 1.786 tấn, tăng 55% so với cùng kỳ, nhờ lượng tinh quặng thu mua từ các nhà cung cấp bên ngoài tăng 78%. Đồng thời, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm 35% so với cùng kỳ.
 - **Thực hiện chính sách chi trả cổ tức:** Sau khi chi trả cổ tức đợt đầu tiên ở mức 1.000 đồng/cổ phiếu, tương đương 1.105 tỷ đồng, vào tháng 9/2026, ngày 19/10/2026, Đại hội đồng cổ đông MSR đã thông qua kế hoạch tạm ứng cổ tức đợt hai ở mức 5.000 đồng/cổ phiếu, tương đương khoảng 5.500 tỷ đồng. Theo đó, tổng cổ tức tiền mặt năm 2026 dự kiến đạt 6.000 đồng/cổ phiếu, tương đương 100% lợi nhuận sau thuế năm 2026, với tỷ lệ chi trả như nhau cho tất cả cổ đông. Từ năm 2027, MSR định hướng chi trả cổ tức hàng năm không thấp hơn 50% lợi nhuận sau thuế. Sau khi hoàn tất các khoản chi trả này, MSR dự kiến tỷ lệ Nợ vay ròng/EBITDA vào cuối năm 2026 ở mức khoảng 1,4 lần.
 - **Chương trình Cổ đông Chiến lược của MSR:** Ngày 1/10/2026, The Elmet Group Co. (NASDAQ: ELMT, “Elmet”), doanh nghiệp Mỹ chuyên cung cấp hợp kim vonfram và các sản phẩm khoáng sản chiến lược, đồng thời là khách hàng của MSR trong hơn 12 năm qua, đã hoàn tất giao dịch đầu tư vào MSR. Đây là giao dịch đầu tiên trong khuôn khổ Chương trình Cổ đông Chiến lược của MSR, được phê duyệt ngày 24/9/2026. Chương trình tạo điều kiện để các đối tác dài hạn và nhà đầu tư tổ chức trở thành cổ đông MSR trước khi doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE).

Kết quả kinh doanh hợp nhất:

- **Doanh thu thuần** quý III/2026 đạt 36.981 tỷ đồng, tăng 74,7% so với cùng kỳ, nhờ các nền tảng thuộc Hệ điều hành Tiêu dùng (cOS) duy trì tăng trưởng hai chữ số và MSR ghi nhận mức đóng góp tăng mạnh nhờ giá APT thực tế tăng cao. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần đạt 89.118 tỷ đồng, tăng 52,7% so với cùng kỳ.
- **EBITDA** quý III/2026 đạt 7.461 tỷ đồng, tăng 67,5% so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, EBITDA đạt 19.451 tỷ đồng, tăng 59,4% so với cùng kỳ và đã vượt mức EBITDA 17.274 tỷ đồng của cả năm 2025.
- **Lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông thiểu số (NPAT Pre-MI)** quý III/2026 đạt 4.552 tỷ đồng, tăng 2,4 lần so với cùng kỳ. Hiệu quả từ đòn bẩy hoạt động trên toàn nền tảng cùng chi phí tài chính thuần giảm đã giúp chuyển hóa tăng trưởng EBITDA thành mức tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cao hơn. **Lợi nhuận sau thuế sau lợi ích cổ đông thiểu số (NPAT Post-MI)** đạt 3.671 tỷ đồng, tăng 3,0 lần so với cùng kỳ, nhanh hơn mức tăng của NPAT Pre-MI nhờ tỷ lệ sở hữu của Masan Group tại các

nền tảng kinh doanh gia tăng. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, NPAT Pre-MI và NPAT Post-MI lần lượt đạt 10.325 tỷ đồng và 8.042 tỷ đồng, tăng tương ứng 2,3 lần và 3,1 lần so với cùng kỳ.

- **Tiền và các khoản tương đương tiền** tại thời điểm cuối quý III/2026 đạt 21.197 tỷ đồng, tăng 20,9% so với cuối năm 2025.
- **Tổng dư nợ vay hợp nhất** đạt 69.656 tỷ đồng, tăng 7,4% so với cuối năm 2025.
- **Tỷ lệ Nợ vay ròng/EBITDA 12 tháng gần nhất của Tập đoàn** cải thiện xuống 2,0 lần tại cuối quý III/2026, so với 2,7 lần tại cuối năm 2025. Nếu tính đến giao dịch mua cổ phần MCH đã hoàn tất thanh toán trong tháng 10/2026, tỷ lệ này ở mức khoảng 2,4 lần. Tập đoàn tiếp tục kỳ vọng tỷ lệ Nợ vay ròng/EBITDA đạt khoảng 2,3 lần vào cuối năm 2026.
 - Cổ tức từ các nền tảng kinh doanh và nguồn thu từ Chương trình Cổ đông Chiến lược của MSR được kỳ vọng sẽ giúp Tập đoàn giảm quy mô nợ vay tuyệt đối từ năm 2027.
- **Dòng tiền tự do trong 12 tháng gần nhất** đạt 10.794 tỷ đồng tính đến cuối quý III/2026, tăng 16,0% so với mức 9.309 tỷ đồng của cả năm 2025.



Tiến độ năm 2026:

% Tăng trưởng	9T2026	Kịch bản cơ sở	Kịch bản cao	Tiến độ
MSN				
<i>Doanh thu thuần – đã điều chỉnh</i>	52,7%	20%	29%	Vượt kế hoạch
<i>EBITDA – đã điều chỉnh</i>	59,4%	22%	33%	Vượt kế hoạch
WCM				
<i>NSO²</i>	894	1,000	1,500	Đúng tiến độ
<i>Doanh thu thuần</i>	25,7%	15%	21%	Vượt kế hoạch
<i>EBITDA</i>	40,9%	33%	50%	Đúng tiến độ
MCH				
<i>Doanh thu thuần</i>	14,6%	11%	15%	Đúng tiến độ
<i>EBITDA</i>	12,2%	9%	14%	Đúng tiến độ
MML				
<i>Doanh thu thuần</i>	14,9%	9%	14%	Vượt kế hoạch
<i>EBITDA</i>	28,5%	-16%	-14%	Vượt kế hoạch
PLH				
<i>Doanh thu thuần</i>	24,3%	22%	32%	Đúng tiến độ
<i>EBITDA</i>	31,7%	5%	18%	Vượt kế hoạch
MSR				
<i>Doanh thu thuần</i>	408,9%	115%	173%	Vượt kế hoạch
<i>EBITDA</i>	351,6%	89%	121%	Vượt kế hoạch

² Đây là số lượng cửa hàng mở mới thuần.

Kết quả tài chính hợp nhất quý III và 9 tháng đầu năm 2026

Kết quả kinh doanh

Tỷ Đồng	3Q2026	3Q2025	Tăng trưởng	9T2026	9T2025	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	36.981	21.164	74,7%	89.118	58.376	52,7%
Masan Consumer Corporation	8.743	7.517	16,3%	24.380	21.281	14,6%
WinCommerce	12.775	10.544	21,2%	35.767	28.459	25,7%
Masan MEATLife	2.646	2.384	11,0%	7.808	6.794	14,9%
Phuc Long Heritage	589	516	14,2%	1.708	1.373	24,3%
Masan High-Tech Materials	14.557	2.041	613,2%	25.687	5.048	408,9%
Lợi nhuận gộp	10.420	6.442	61,8%	27.237	18.325	48,6%
Masan Consumer Corporation	3.969	3.430	15,7%	11.118	9.699	14,6%
WinCommerce	3.026	2.490	21,5%	8.303	6.703	23,9%
Masan MEATLife	726	656	10,6%	2.214	1.866	18,7%
Phuc Long Heritage	409	334	22,3%	1.181	928	27,3%
Masan High-Tech Materials	2.746	400	586,1%	5.725	945	506,1%
SG&A	(5.660)	(4.358)	29,9%	(15.986)	(13.203)	21,1%
Masan Consumer Corporation	(1.932)	(1.630)	18,5%	(5.611)	(4.794)	17,0%
WinCommerce	(2.639)	(2.217)	19,0%	(7.458)	(6.206)	20,2%
Masan MEATLife	(623)	(512)	21,5%	(1.691)	(1.556)	8,7%
Phuc Long Heritage	(339)	(270)	25,9%	(951)	(764)	24,6%
Masan High-Tech Materials	(81)	(124)	-34,6%	(199)	(222)	-10,3%
EBITDA	7.461	4.453	67,5%	19.451	12.205	59,4%
Masan Consumer Corporation	2.280	2.021	12,8%	6.222	5.545	12,2%
WinCommerce	678	506	34,1%	1.665	1.182	40,9%
Masan MEATLife	209	260	-19,4%	848	660	28,5%
Phuc Long Heritage	107	94	14,7%	335	255	31,7%
Masan High-Tech Materials	3.074	489	529,0%	6.616	1.465	351,6%
Techcombank	1.410	1.242	13,5%	4.175	3.635	14,9%
Thu nhập/Chi phí tài chính thuần	(1.073)	(1.212)	-11,5%	(3.869)	(3.539)	9,3%
Thu nhập tài chính	623	829	-24,9%	1.546	1.773	-12,9%
Chi phí tài chính	(1.696)	(2.042)	-16,9%	(5.414)	(5.312)	1,9%
Thu nhập / (Chi phí) khác	(101)	17	n.m.	(130)	(59)	122,0%
Thuế TNDN	(469)	(286)	63,9%	(1.179)	(753)	56,6%
LNST trước lợi ích Cổ đông thiểu số	4.552	1.866	144,0%	10.325	4.468	131,1%
Masan Consumer Corporation	1.938	1.698	14,1%	5.222	4.660	12,1%
WinCommerce	325	175	85,6%	670	243	175,4%
Masan MEATLife	98	101	-3,8%	436	466	-6,5%
Phuc Long Heritage	62	55	11,7%	207	141	46,0%
Masan High-Tech Materials	2.148	5	n.m.	4.350	(211)	n.m.
LNST sau lợi ích Cổ đông thiểu số	3.671	1.209	203,7%	8.042	2.634	205,3%

Bảng cân đối kế toán

Tỷ Đồng	9M2026	FY2025	FY2025
		<i>After</i>	<i>Before</i> ³
Tiền và các khoản tương đương tiền ⁴	21.197	17.527	17.482
Nợ vay	69.656	64.236	64.877
Nợ ngắn hạn	35.920	24.331	24.331
Nợ dài hạn	33.737	39.905	40.546
Tổng tài sản	150.223	128.322	128.963
Tổng vốn chủ sở hữu	53.631	45.079	45.079
Tổng Vốn Chủ Sở Hữu (không bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số)	43.727	35.348	35.348
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (triệu cổ phiếu)	1.460	1.446	1.446

Các chỉ số tài chính tiêu biểu

Tỷ Đồng	9M2026	FY2025	FY2025
		<i>After</i>	<i>Before</i>
Nợ ròng/EBITDA ⁵	1,98x	2,70x	2,74x
ROAA	9%	5%	5%
ROAE	25%	13%	13%
FFO ⁶ to Debt	23%	13%	13%
LTM FCF ⁷	10.794	9.309	9.309
Vòng quay tiền mặt	22	28	30
Số ngày tồn kho ⁸	65	70	72
Số ngày phải thu ⁹	8	5	5
Số ngày phải trả	51	47	47
LTM CAPEX	(2.390)	(1.879)	(1.879)

³ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, thay thế Thông tư 200/2014/TT-BTC, các khoản lãi dồn tích từ tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng được phân loại lại từ Các khoản phải thu ngắn hạn khác sang Tiền và các khoản tương đương tiền. Đồng thời, phí thu xếp vốn vay hiện được ghi nhận vào Vay nợ thay vì Chi phí trả trước dài hạn. Trên cơ sở điều chỉnh lại số liệu năm 2025, thay đổi này làm tăng số dư Tiền và các khoản tương đương tiền và giảm Vay dài hạn, qua đó đưa tỷ lệ Nợ ròng/EBITDA xuống 2,7 lần theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, so với mức 2,74 lần theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.

⁴ Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm chứng khoán kinh doanh và tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng.

⁵ Tỷ lệ Nợ ròng/EBITDA được tính dựa trên khái niệm Tiền và các khoản tương đương tiền nêu tại chú thích số 4.

⁶ FFO: Nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh trong 12 tháng gần nhất (LTM) được tính trên cơ sở EBITDA, loại trừ phần đóng góp từ Techcombank, đồng thời điều chỉnh theo chi phí tài chính thuần và thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ báo cáo.

⁷ FCF: Dòng tiền tự do trong 12 tháng gần nhất (LTM) được tính từ EBITDA, loại trừ phần đóng góp từ Techcombank, đồng thời điều chỉnh theo biến động vốn lưu động, thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ báo cáo và chi tiêu vốn (CAPEX).

⁸ Số ngày tồn kho được tính dựa trên số dư hàng tồn kho chia cho giá vốn hàng bán của 12 tháng gần nhất (LTM).

⁹ Số ngày phải thu và phải trả được tính dựa trên số dư các khoản liên quan đến hoạt động kinh doanh (loại trừ các khoản không liên quan đến hoạt động vận hành), lần lượt chia cho doanh thu thuần 12 tháng gần nhất (LTM) và giá vốn hàng bán 12 tháng gần nhất (LTM).

GIỚI THIỆU CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Masan” hoặc “Tập đoàn”) tin vào triết lý “doing well by doing good”. Sứ mệnh của Tập đoàn là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ vượt trội cho 100 triệu người dân Việt Nam và trên thế giới, để họ chi trả ít hơn cho các nhu cầu cơ bản hàng ngày. Masan hiện thực hóa tầm nhìn này bằng cách thúc đẩy năng suất thông qua những phát kiến mới, áp dụng công nghệ, xây dựng thương hiệu mạnh và tập trung hiện thực hóa những cơ hội lớn gắn với cuộc sống hằng ngày của đại đa số người dân.

Các Công ty thành viên và liên kết của Tập đoàn Masan là những Công ty dẫn đầu các lĩnh vực hàng tiêu dùng nhanh, thịt có thương hiệu, bán lẻ, chuỗi F&B, dịch vụ tài chính, viễn thông và sản xuất vật liệu công nghiệp có giá trị gia tăng. Đây là những lĩnh vực đang tăng trưởng cao của nền kinh tế Việt Nam.

Dành cho Nhà đầu tư/Chuyên viên phân tích

Thuy Dung Vu

T: +84 28 6256 3862

E: ir@msn.masangroup.com

Dành cho Truyền thông

Phạm Văn

T: +84 28 6256 3862

E: pr@msn.masangroup.com

Thông cáo báo chí này có những nhận định về tương lai trong các kỳ vọng dự định hoặc chiến lược của Masan có thể liên quan đến những rủi ro và sự không chắc chắn. Những nhận định tương lai này bao gồm cả những kỳ vọng của Masan có chứa đựng những rủi ro, sự không chắc chắn và những yếu tố minh định hoặc tiềm ẩn nằm ngoài tầm kiểm soát của Masan có thể khiến cho kết quả thực tế trong hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính hoặc thành tích của Masan khác biệt rất lớn so với những nội dung được trình bày hoặc ngầm định trong các nhận định tương lai. Người đọc không nên xem những nhận định tương lai này là dự đoán sự kiện sẽ xảy ra hoặc lời hứa về hiệu quả trong tương lai.

